

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2022/HSST**

Ngày : 04/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Văn Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Phong & Ông Nguyễn Văn Cừ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Y Sura, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện VKSND huyện S, tỉnh Phú Yên tham gia phiên Tòa: Ông Y Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2022/TLST-HS ngày 18/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/2021/QĐXXST-HS ngày 16/12/2021, đối với các bị cáo:

1. Kpă M, sinh ngày 17/02/2003 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Jrai; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông K, sinh năm 1974 và bà Kpă, sinh năm 1980; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 26/12/2019 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong ngày 22/11/2020; ngày 04/12/2017, bị Công an huyện K, tỉnh Gia Lai phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 09/9/2019 bị Công an xã C, huyện K phạt 750.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 30/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai phạt 01 năm 05 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; ngày 02/7/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai khởi tố bị can về hành vi cướp giật tài sản; bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Gia Trung; bị cáo được trích xuất; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Kpă M: Ông Ngô Văn Th – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Nay Ml, sinh ngày 13/8/2000 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: buôn Chư, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Jrai; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ksor Ph, sinh năm 1962 và bà Nay, sinh năm 1965; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

Ngày 25/01/2017, bị Ủy ban nhân dân xã C, huyện K phạt cảnh cáo về hành vi cố ý gây thương tích; ngày 10/02/2017, bị Công an xã C, huyện K phạt 750.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 08/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong ngày 19/10/2017; Ngày 02/7/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai khởi tố bị can về hành vi cướp giật tài sản; bị cáo đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã A, tỉnh Gia Lai; bị cáo được trích xuất; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nay Ml:* Ông Ngô Tấn H – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Phú Yên; có mặt.

- *Bị hại:* Nguyễn Trọng H, sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn H, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Kpă Kh, sinh năm 2002; nơi cư trú: Buôn M, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

+ Hving Y, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn H, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 50 phút, ngày 17/5/2021 Kpă M rủ Nay Ml đi trộm xe mô tô để M làm phương tiện đi lại và được Ml đồng ý. Ml điều khiển xe mô tô không có biển số (xe do Ml mượn của D ở buôn Ia Jip, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai) chở M đi tìm xe để trộm cắp. Đến khoảng 02 giờ 00 phút ngày 18/5/2021, M và Ml phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 78M1-147.91 của Nguyễn Trọng H dựng dưới nhà sàn của Alê Y Th ở thôn H, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên. Ml đứng ngoài đường cảnh giới để M vào dắt xe. Sau đó Ml điều khiển xe đẩy M và xe vừa trộm cắp đi được khoảng 1km thì M dừng lại. Ml tháo bửng xe ném vào lề đường, rút dây bình nổ máy để M điều khiển về nhà Kpă Kh là chủ của M ở xã C, huyện K để ngủ. Ngày 21/5/2021, M và Ml dùng xe mô tô biển kiểm soát 78M1-147.91 đi cướp giật tài sản bị Công an huyện K phát hiện bắt giữ.

Kết luận định giá tài sản số 120/KL-ĐGTS ngày 01/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện S kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 78M1-147.91, nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter trị giá 36.816.000đ.

Vật chứng: Tạm giữ và trả cho chủ sở hữu hợp pháp Nguyễn Trọng H xe mô tô biển kiểm soát 78M1-147.91; 01 miếng nhựa điện (65x57)cm và 01 hình đầu lâu người màu đỏ.

Dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường 3.000.000đ chi phí sửa xe.

Cáo trạng số 21/CT-VKS-SH ngày 16/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên đã truy tố Kpă M và Nay Ml về tội “Trộm cắp tài sản” theo

khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự;

Tại phiên toà:

Các bị cáo M, Ml khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố và khẳng định không bị oan, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Nguyễn Trọng H đề nghị Hội đồng xét xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật. Dân sự: Đã nhận lại xe và yêu cầu các bị cáo bồi thường 3.000.000đ chi phí sửa xe.

Kiểm sát viên tiến hành tố tụng tại phiên toà sau khi phân tích mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Kpã M mức án từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nay Ml mức án từ 18 đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung cho các bị cáo do không có thu nhập ổn định.

- Dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về việc bồi thường 3.000.000đ chi phí sửa xe.

- Vật chứng: Quá trình điều tra đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp Nguyễn Trọng H xe mô tô biển kiểm soát 78M1-147.91; 01 bưng điện (65x57)cm và 01 hình đầu lâu người màu đỏ là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo M tranh luận: Thống nhất về tội danh, dân sự, án phí và các vấn đề khác. Tuy nhiên hình phạt đối với bị cáo là cao chưa phù hợp vì tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án thấp hơn so với đề nghị của Kiểm sát viên.

Bị cáo M thống nhất theo luận tội và bào chữa không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Ml tranh luận: Thống nhất về tội danh, dân sự, án phí và các vấn đề khác. Tuy nhiên hình phạt đối với bị cáo là cao chưa phù hợp vì tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi, thiệt hại chưa xảy ra, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1

Điều 51 của Bộ luật hình sự phạt bị cáo mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Bị cáo Ml thống nhất theo luận tội và bào chữa không có ý kiến tranh luận.

Bị hại thống nhất theo luận tội và không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên tranh luận: Người bào chữa cho rằng mức án đề xuất đối với các bị cáo là cao. Tuy nhiên, các bị cáo có nhân thân xấu nhiều lần bị xét xử và xử phạt hành chính về các hành vi khác nhau. Ngoài ra, mặc dù tài sản đã được thu hồi nhưng các bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã dùng chính phương tiện trộm cắp được đi thực hiện hành vi phạm tội khác thể hiện tính xem thường pháp luật. Do đó, hình phạt đề xuất đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả của các bị cáo gây ra. Người bào chữa cho bị cáo Nay Ml đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Người bào chữa cho các bị cáo giữ nguyên quan điểm không tranh luận gì thêm.

Kiểm sát viên giữ nguyên luận tội không bổ sung gì thêm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại Kết luận điều tra (bút lục 189-190), yêu cầu tra cứu trích lục tiền án, tiền sự (bút lục 113, 124), Lý lịch của các bị can (bút lục 76, 117) đều thể hiện các bị cáo không có tiền sự trong tàng thư. Nhưng cáo trạng lại thể hiện các bị cáo có một tiền sự về các hành vi khác nhau là chưa đánh giá khách quan, toàn diện về nhân thân của các bị cáo. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo Hội đồng xét xử xác định các bị cáo không có tiền sự.

[2] Các bị cáo Kpă M và Nay Ml khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng vụ án thu giữ được cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 18/5/2021, tại thôn H, xã S1, huyện S, Kpă M và Nay Ml đã lén lút lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 78M1-147.91 của Nguyễn Trọng H trị giá 36.816.000đ. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo không những đã xâm hại đến tài sản riêng của bị hại trái pháp luật mà còn gây mất an ninh, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Nên cần xử các bị cáo mức án nghiêm cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đảm bảo tính răn đe và trừng trị riêng đối với từng bị cáo và ngăn ngừa chung đối với xã hội.

[4] Xét tính chất, vai trò, hành vi của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Bị cáo Kpă M là chủ mưu, rủ rê bị cáo Ml đi trộm cắp xe mô tô. Bị cáo có nhân thân xấu nhiều lần bị Tòa án xét xử và phạt hành chính về các hành vi khác nhau. Nên cần xử bị cáo mức án cao hơn so với bị cáo Nay Ml để đảm bảo tính răn đe. Tuy nhiên, xét sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo hình phạt tương xứng

[4.2] Bị cáo Nay Ml trực tiếp dùng phương tiện chở M đi trộm cắp tài sản. Bị cáo có nhân thân xấu bị Tòa án xét xử và nhiều lần bị xử phạt hành chính về các hành vi khác nhau. Nên cần xử bị cáo mức án nghiêm để đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo hình phạt tương xứng.

[5] Dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về việc bồi thường 3.000.000đ chi phí sửa xe.

[6] Vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp Nguyễn Trọng H xe mô tô biển kiểm soát 78M1-147.91; 01 bình điện (65x57)cm và 01 hình đầu lâu người màu đỏ theo biên bản ngày 27/10/2021 là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Phạt bổ sung: Xét các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm, thu nhập ổn định nên miễn phạt bổ sung cho các bị cáo.

[8] Người bào chữa cho bị cáo Nay Ml đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự “*Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*”. Xét thấy thực tế thiệt hại đã xảy ra, các bị cáo đã dịch chuyển tài sản khỏi sự quản lý của chủ tài sản, giá trị tài sản do các bị cáo trộm cắp là 38.816.000đ. Việc tài sản được thu hồi là ngoài ý thức chủ quan của các bị cáo vì khi lấy được xe các bị cáo đã dùng chính phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội khác. Do đó, đề nghị của người bào chữa là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm; miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo vì là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Kpă M và Nay Ml phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Kpă M 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nay Ml 01 (năm) 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự, tuyên: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về việc bồi thường 3.000.000đ chi phí sửa xe.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm; miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo vì là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện S (01);
- VKSND tỉnh Phú Yên (01);
- CQTHAHS huyện S (01);
- CQCSĐT huyện S (01)
- Bị cáo (02);
- Bị hại (01);
- THADS huyện S (01);
- Lưu án văn, HSVA.

Bạch Văn Trinh